

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 5 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiến

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3B, xã T, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27/02/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Bà và ông Lê Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không lo cho gia đình nên từ đó vợ chồng hay bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2012 thì vợ chồng không còn sống chung. Bà L xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Lê Gia Th (nam), sinh ngày 10/8/2009, cháu Th hiện đang sống với ông T. Bà L đồng ý để ông T được nuôi cháu Th và không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông T trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung. Ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L. Về con chung: Ông T yêu cầu được nuôi cháu Lê Gia Th và không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Văn T; về con chung: Giao cháu Lê Gia Th cho ông T nuôi dưỡng, bà L không có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị L khởi kiện ông Lê Văn T yêu cầu được ly hôn với ông T, nên xác định quan hệ tranh chấp là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, yêu cầu nuôi con chung bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông T, bà L tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông T, bà L phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, cuộc sống không hòa hợp với gia đình bên chồng nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà và ông T không còn chung sống với nhau khoảng 06 năm, bà xác định không còn tình cảm với ông T. Ông T cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà L. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng ông T, bà L vẫn thống nhất ly hôn. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa ông T, bà L là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Th từ nhỏ đã sống chung với gia đình ông T và sau khi bà L và ông T không còn chung sống với nhau thì cháu Th do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Th cũng có nguyện vọng được sống chung với ông T và bà L thống nhất giao cháu Th cho ông T nuôi dưỡng. Nhằm đảm bảo ổn định về tâm lý, chỗ ở và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu Th nên Hội đồng xét xử giao cháu Th cho ông T nuôi dưỡng. Do ông T không có yêu cầu cấp dưỡng nên bà L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lê Gia Th (nam), sinh ngày 10/8/2009 cho ông Lê Văn T nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Lê Thị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0014587 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà L đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu